

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP CONSTREXIM SỐ 8
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 29

Giám đốc
Phan Tuấn Đức

Trưởng Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý các hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám Đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và trung thực;
- Nếu có các nguyên tố kế toán không hợp lệ hoặc không đầy đủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong quá trình công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể vận hành Công ty và tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả như một định lệ và trình bày đầy đủ báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai lệch.

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng có ít nhất một người chịu một cách phù hợp và trung thực các hoạt động của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đưa báo cáo trung thực vào báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đức Tiên	Chủ tịch
Ông Hoàng Biên Cương	Ủy viên
Ông Ngô Bá Mật	Ủy viên
Ông Vũ Duy Hậu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Duy Hậu	Giám đốc
Ông Hoàng Biên Cương	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8



Vũ Duy Hậu
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Số: 600 -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/07/2017, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Thanh Ngọc
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1011-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.282.541.152	93.628.520.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	9.844.168.146	11.770.453.307
1 Tiền	111		9.844.168.146	10.970.453.307
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.558.614.374	49.584.519.752
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	25.694.639.859	32.619.872.464
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	15.000.000	89.886.930
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	27.848.974.515	16.874.760.358
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	18.021.066.361	32.273.547.497
1 Hàng tồn kho	141		18.021.066.361	32.273.547.497
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		858.692.271	-
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		856.379.599	-
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	2.312.672	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.984.435.258	11.452.588.595
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.000.000	1.000.000.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.04	1.000.000.000	1.000.000.000
2 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.640.808.123	1.756.851.753
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.640.808.123	1.756.851.753
- Nguyên giá	222		3.581.538.825	3.581.538.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.940.730.702)	(1.824.687.072)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.343.627.135	8.695.736.842
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	9.343.627.135	8.695.736.842
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		94.266.976.410	105.081.109.151

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		68.127.116.540	79.305.871.931
I. Nợ ngắn hạn	310		65.513.968.044	76.541.526.216
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	735.163.493	258.954.345
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	17.060.647.350	10.435.162.366
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	358.856	537.601.473
4 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	43.994.861.350	61.306.971.037
5 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	3.200.000.000	3.465.000.000
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		522.936.995	537.836.995
II. Nợ dài hạn	330		2.613.148.496	2.764.345.715
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.11	1.514.988.496	1.646.185.715
2 Phải trả dài hạn khác	337	V.13	1.098.160.000	1.118.160.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.139.859.870	25.775.237.220
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	26.139.859.870	25.775.237.220
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.568.000.000	19.568.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		1.937.223.600	1.937.223.600
3 Vốn khác của chủ sở hữu	414		921.520.000	921.520.000
4 Cổ phiếu quỹ	415		(921.520.000)	(921.520.000)
5 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.924.531.326	2.924.531.326
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.710.104.944	1.345.482.294
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.471.334.864	367.429.224
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		238.770.080	978.053.070
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		94.266.976.410	105.081.109.151

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập



Nguyễn Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc



Vũ Duy Hậu

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	52.131.847.366	46.455.192.306
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		52.131.847.366	46.455.192.306
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.418.765.916	44.804.417.622
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		1.713.081.450	1.650.774.684
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	159.688.064	163.089.050
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.508.661.888	1.492.526.921
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		364.107.626	321.336.813
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32	VI.4	52.516.021	48.921.245
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(52.516.021)	(48.921.245)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		311.591.605	272.415.568
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	72.821.525	64.267.362
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		238.770.080	208.148.206
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	134,48	117,23

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập



Nguyễn Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc



Vũ Duy Hậu

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

<Theo phương pháp trực tiếp>

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

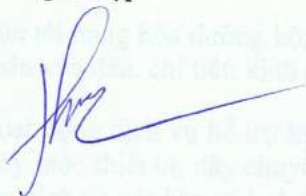
Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		69.956.134.524	72.223.395.926
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(69.264.031.662)	(911.325.976)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.028.583.230)	(962.186.768)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(294.505.805)	(112.741.133)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30.000.000	10.831.651.975
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(462.321.783)	(80.031.538.957)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.063.307.956)	1.037.255.067
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		71.414.091	118.705.488
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		71.414.091	118.705.488
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Tiền thu từ đi vay	33		14.120.000.000	-
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.385.000.000)	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(669.391.296)	(1.195.037.056)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(934.391.296)	(1.195.037.056)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.926.285.161)	(39.076.501)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.770.453.307	14.627.503.096
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	9.844.168.146	14.588.426.595

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập



Nguyễn Thị Việt Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc



Vũ Duy Hậu

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2261/QĐ-BXD ngày 8/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01001850677 đăng ký lần đầu ngày 21/12/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 11/06/2015, thì vốn điều lệ của Công ty là: 19.568.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ, năm trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn).

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CX8.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đường dây và trạm biến thế điện, công trình cơ điện lạnh; Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: đầu tư kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, cho thuê văn phòng và nhà ở; kinh doanh các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tư vấn xây dựng, kiểm định các công trình xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Kinh doanh cấu kiện bê tông, kinh doanh vật liệu xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: kinh doanh vận chuyển hành khách;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: kinh doanh thương mại vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hóa; Hoạt động tư vấn quản lý: quản lý, khai thác, vận hành các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai khoáng chưa được phân vào đâu, chi tiết: khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm)/.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Riêng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty không có công nợ khó đòi cần trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 30/06/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc thiết bị	06 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 08

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

Khoản hợp tác kinh doanh của Công ty là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt. Theo đó 2 công ty sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cửa nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm và được gia hạn đến ngày 31/03/2016 theo phục lục hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2015. Sau mỗi một năm, kể từ ngày chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty sẽ được thanh toán số lãi tương ứng với lãi suất 18%/năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định, lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác.

Lợi thế kinh doanh là giá trị thương hiệu Constrexim có thời gian phân bổ trong vòng 10 năm.

Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định được ghi nhận căn cứ vào số tiền trả trước trong nhiều kỳ kế toán và hợp đồng thuê tài sản, được phân bổ trong vòng 25 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa TSCĐ, chi phí thuê quyền sử dụng nhãn hiệu, chi phí sửa lại 02 ki ốt C7 Thanh Xuân và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty với công ty liên kết.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Công ty không có các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước tiền thuê nhà, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả trong nhiều kỳ kế toán. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số tiền cho thuê từng tháng được quy định trong hợp đồng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện, tiền nước, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức, lợi nhuận được chia.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được công ty ghi nhận phù hợp với tỷ lệ giao khoán trong hợp đồng của từng công trình cho các đội thi công.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 10% đối với hoạt động xây lắp, dịch vụ cho thuê nhà, thu tiền điện và 5% đối với hoạt động thu tiền nước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền	9.844.168.146	10.970.453.307
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>35.892.385</i>	<i>5.639.909</i>
Tiền gửi ngân hàng	9.808.275.761	10.964.813.398
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	899.422.353	197.223.642
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	27.294.909	27.363.383
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	8.739.064.638	10.728.315.111
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	960.681	960.681
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long	141.533.180	10.950.581
Các khoản tương đương tiền	-	800.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng (*)	-	800.000.000
Cộng	9.844.168.146	11.770.453.307

(*) Là khoản tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Phải thu khách hàng

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam	6.828.622.071	-	6.956.562.966	-
Trường Đại học Tây Bắc	1.778.283.836	-	1.490.759.480	-
BQLDA Vườn hoa Quảng trường Thị xã Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1.529.910.000	-	1.529.910.000	-
Ban quản lý dự án Thị xã Phúc Yên	2.076.896.000	-	3.390.370.810	-
Phòng kinh tế Quận Hoàng Mai	3.590.590.000	-	3.590.590.000	-
Ban quản lý dự án Quận Thanh Xuân	1.136.165.152	-	8.724.848.035	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Hoàng Cường	3.969.947.882	-	-	-
Các đối tượng khác	4.784.224.918	-	6.936.831.173	-
Cộng	25.694.639.859	-	32.619.872.464	-

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2

3. Trả trước cho người bán

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	-	77.000.000
Công ty CP Xây lắp điện 1	-	12.886.930
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15.000.000	-
Cộng	15.000.000	89.886.930

4. Các khoản phải thu khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Phải thu khác (1)</i>	<i>27.831.714.515</i>	<i>-</i>	<i>16.857.800.358</i>	<i>-</i>
Ban Quản lý nhà C7 Thanh Xuân	3.922.445.046	-	3.575.808.632	-
Đội Xây lắp tổng hợp số 3	2.456.282.363	-	2.995.282.363	-
Đội Xây lắp tổng hợp số 4 - Chi nhánh 8.2	5.468.570.464	-	5.340.629.569	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 6	1.589.248.467	-	1.589.248.467	-
Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 9	4.273.888.721	-	-	-
Đội quản lý Cơ giới và hạ tầng - Constrexim 8	5.959.786.370	-	-	-
Các đối tượng khác	4.161.493.084	-	3.356.831.327	-
Tạm ứng	17.260.000	-	16.960.000	-
Phí Thành Tuyền	-	-	6.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Huyền	4.080.000	-	4.080.000	-
Nguyễn Hà Phương	3.880.000	-	3.880.000	-
Trần Thị Hải Ninh	3.000.000	-	3.000.000	-
Đình Long	5.000.000	-	-	-
Hoàng Biên Cương	1.300.000	-	-	-
b) Dài hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP An Đạt (2)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	28.848.974.515	-	17.874.760.358	-

(1): Khoản phải thu của các xí nghiệp, các đội là khoản Công ty trả tiền mua vật tư, nguyên liệu thay cho các đội và xí nghiệp. Sau khi hạng mục hoàn thành, chứng từ của các đội chuyển về, Công ty sẽ thực hiện bù trừ giữa các khoản phải thu khác với phải trả khác của các đội, xí nghiệp.

(2): Là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HĐHTKD ngày 31/03/2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đạt. Theo đó, hai Công ty sẽ hợp tác để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của nhựa PVC lõi thép gia cường theo công nghệ Châu Âu, trên mỗi sản phẩm đều được in tên của 2 doanh nghiệp. Hợp đồng được thực hiện trong vòng 5 năm và được gia hạn đến ngày 31/03/2017 theo phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 01/04/2016. Sau mỗi một năm, kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty Cổ phần An Đạt, Công ty sẽ được thanh toán số lãi tương ứng với lãi suất 18%/năm.

c) Phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2

5. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	18.021.066.361	-	32.273.547.497	-
Cộng	18.021.066.361	-	32.273.547.497	-

(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là chi phí dở dang của các công trình Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao quận Hoàng Mai, công trình Trường THCS Nam Sơn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2017	1.418.827.242	624.801.545	1.537.910.038	3.581.538.825
Số dư ngày 30/06/2017	1.418.827.242	624.801.545	1.537.910.038	3.581.538.825
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2017	527.995.653	524.788.092	771.903.327	1.824.687.072
Khấu hao trong kỳ	28.376.545	16.958.773	70.708.312	116.043.630
Số dư ngày 30/06/2017	556.372.198	541.746.865	842.611.639	1.940.730.702
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	890.831.589	100.013.453	766.006.711	1.756.851.753
Tại ngày 30/06/2016	862.455.044	83.054.680	695.298.399	1.640.808.123

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2017: 1.013.042.582 VND.

7. Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	5.359.558.019	5.532.446.987
Lợi thế kinh doanh chờ phân bổ	684.880.000	733.800.000
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.231.315.473	1.454.784.160
Chi phí thuê quyền sử dụng nhãn hiệu	690.436.000	739.752.857
Chi phí mua lại 02 ki ốt C7 Thanh Xuân	1.186.538.462	-
Chi phí khác	190.899.181	234.952.838
Cộng	9.343.627.135	8.695.736.842

8. Phải trả người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8.2	735.163.493	735.163.493	258.954.345	258.954.345
Cộng	735.163.493	735.163.493	258.954.345	258.954.345

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Người mua trả tiền trước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Huyện Sóc Sơn	1.981.123.200	1.981.123.200
Báo Lao động	-	1.743.685.000
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Hoàng Cường	-	5.055.630.166
Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý duy tu hạ tầng Quận Hoàng Mai	1.583.724.000	1.583.724.000
Ban Quản lý dự án Quận Hoàng Mai	6.984.800.150	-
Công ty CP BOT Pháp Vân Cầu Giẽ	6.440.000.000	-
Các đối tượng khác	71.000.000	71.000.000
Cộng	17.060.647.350	10.435.162.366

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2017
a) Phải nộp				-
Thuế GTGT	200.681.568	753.714.000	954.395.568	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.371.608	-	219.371.608	-
Các loại thuế khác	203.856	37.107.252	36.952.252	358.856
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	117.344.441	6.596.021	123.940.462	-
Cộng	537.601.473	797.417.273	1.334.659.890	358.856
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	72.821.525	75.134.197	2.312.672
Cộng	-	72.821.525	75.134.197	2.312.672

11. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn		
Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng	1.514.988.496	1.646.185.715
Cộng	1.514.988.496	1.646.185.715

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Địa chỉ: Tòa nhà Constrexim, đường Nguyễn Trãi, C7, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017			Trong kỳ			Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay cá nhân (*)	3.200.000.000	3.200.000.000	14.120.000.000	14.385.000.000	3.465.000.000	3.465.000.000	
Nguyễn Thị Huệ	500.000.000	500.000.000	6.250.000.000	9.215.000.000	3.465.000.000	3.465.000.000	
Nguyễn Thị Thu Hoài	-	-	970.000.000	970.000.000	-	-	
Trần Bá Hùng	1.000.000.000	1.000.000.000	3.800.000.000	2.800.000.000	-	-	
Đình Long	700.000.000	700.000.000	700.000.000	-	-	-	
Quách Đình Quang	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	
Nguyễn Thị Việt Hoa	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	
Cộng	3.200.000.000	3.200.000.000	14.120.000.000	14.385.000.000	3.465.000.000	3.465.000.000	

(*) Khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng vay có thời hạn cho vay là 1 tháng, lãi suất 0%, tài sản đảm bảo là toàn bộ nguồn thu, tài sản cố định và lưu động của Công ty, mục đích vay để phục vụ thi công công trình.

TP
NAM
ĐÌNH
HỮU
28

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***13. Phải trả khác**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	43.994.861.350	61.306.971.037
Kinh phí công đoàn	469.402.981	623.231.015
Phải trả, phải nộp khác (*)	42.856.374.545	59.154.658.272
<i>Các loại thuế TNCN, cổ tức phải trả</i>	-	830.469.770
<i>Công ty CP Công nghệ bê tông</i>	-	2.439.127.350
<i>Công ty CP Đầu tư thương mại và Sản xuất Việt Nội Thất</i>	1.217.355.500	2.097.952.500
<i>Đội Quản lý cơ giới và hạ tầng - Constrexim 8 (*)</i>	12.197.791.461	16.259.216.661
<i>Đội Xây lắp tổng hợp số 1 (*)</i>	2.974.963.360	3.555.746.187
<i>Đội Xây lắp tổng hợp số 8 - Constrexim8 (*)</i>	1.688.674.957	1.970.419.556
<i>Đội Xây lắp tổng hợp số 5 - CN8.2 (*)</i>	320.293.692	320.293.692
<i>Xí nghiệp xây lắp số 1 (*)</i>	71.637.878	71.637.878
<i>Xí nghiệp xây lắp số 2 (*)</i>	68.548.779	294.525.672
<i>Xí nghiệp xây lắp số 4 (*)</i>	412.997.878	412.997.878
<i>Xí nghiệp xây lắp số 8 (*)</i>	1.029.264.140	2.422.247.945
<i>Xí nghiệp Xây lắp tổng hợp số 9 (*)</i>	22.003.371.883	27.386.631.227
<i>Các đối tượng khác</i>	871.475.017	1.093.391.956
Dư có phải thu khác	669.083.824	1.529.081.750
b) Dài hạn	1.098.160.000	1.118.160.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.098.160.000	1.118.160.000
<i>Công ty Liên doanh TNHH KFC Việt Nam</i>	877.160.000	877.160.000
<i>Công ty CP Bê tông VIDIFI</i>	30.000.000	30.000.000
<i>Trần Văn Bao</i>	133.000.000	153.000.000
<i>Công ty TNHH Trang trí BAC</i>	20.000.000	20.000.000
<i>Công ty CP 121BIZ Quốc tế</i>	18.000.000	18.000.000
<i>Công ty CP Y tế Quang Minh</i>	20.000.000	20.000.000
Cộng	45.093.021.350	62.425.131.037

(*) Phải trả, phải nộp khác cho các xí nghiệp, các đội thể hiện chi phí và thuế đầu vào các hạng mục công trình của các đội và xí nghiệp chuyển về cho Công ty. Sau khi hạng mục hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bù trừ giữa các khoản nợ phải thu khác và phải trả khác của các đội, xí nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2016	19.568.000.000	1.937.223.600	(921.520.000)	921.520.000	1.312.987.179	22.818.210.779
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	978.053.070	978.053.070
Chia cổ tức	-	-	-	-	(745.710.000)	(745.710.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(199.847.955)	(199.847.955)
Số dư ngày 31/12/2016	19.568.000.000	1.937.223.600	(921.520.000)	921.520.000	1.345.482.294	22.850.705.894
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	238.770.080	238.770.080
Tăng khác (*)	-	-	-	-	125.852.570	125.852.570
Số dư ngày 30/06/2017	19.568.000.000	1.937.223.600	(921.520.000)	921.520.000	1.710.104.944	23.215.328.544

Đơn vị tính: VND

(*) Tăng khác là các khoản cổ tức không phải trả Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam cho các năm 2013, 2014 và 2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	19.568.000.000	19.568.000.000
Cộng	19.568.000.000	19.568.000.000

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	19.568.000.000	19.568.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	19.568.000.000	19.568.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.195.037.056

14.4 Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	1.956.800	1.956.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu phổ thông	1.956.800	1.956.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	181.300	181.300
- Cổ phiếu phổ thông	181.300	181.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.775.500	1.775.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

14.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

14.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2017
Quỹ đầu tư phát triển	2.924.531.326	-	-	2.924.531.326
Cộng	2.924.531.326	-	-	2.924.531.326

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động xây lắp	50.366.544.149	44.621.746.530
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.765.303.217	1.833.445.776
Cộng	52.131.847.366	46.455.192.306

b) Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Giá vốn bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	49.196.957.639	43.746.985.735
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.221.808.277	1.057.431.887
Cộng	50.418.765.916	44.804.417.622

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	71.414.091	74.321.926
Cổ tức, lợi nhuận được chia	88.273.973	88.767.124
Cộng	159.688.064	163.089.050

4. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí phạt chậm nộp thuế	3.596.021	-
Chi phí thương hiệu	48.920.000	48.920.000
Chi phí khác	-	1.245
Cộng	52.516.021	48.921.245

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.183.920.798	1.100.264.940
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	83.916.936
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.061.019	85.874.176
Thuế, phí, lệ phí	7.905.244	7.007.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.139.327	186.461.269
Chi phí bằng tiền khác	38.635.500	29.002.500
Cộng	1.508.661.888	1.492.526.921

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	22.140.562.257	27.878.972.490
Chi phí nhân công	8.286.052.798	9.121.377.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.043.630	127.488.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.035.125.061	1.811.585.263
Chi phí khác bằng tiền	903.953.732	5.866.513.053
Cộng	37.481.737.478	44.805.936.790

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	52.291.535.430	46.618.281.356
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	52.291.535.430	46.618.281.356
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	51.979.943.825	46.345.865.788
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	51.927.427.804	46.296.944.544
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	52.516.021	48.921.244
Lỗi được chuyển từ các kỳ trước	-	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	364.107.626	321.336.812
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	72.821.525	64.267.362
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	72.821.525	64.267.362

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	238.770.080	208.148.206
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	238.770.080	208.148.206
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.775.500	1.775.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	134,48	117,23

Trong 6 tháng đầu năm 2017 không có cơ sở ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu nêu trên chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	14.120.000.000	-
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	14.120.000.000	-
2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	14.385.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	14.385.000.000	-

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam
Công ty CP An Đạt

Mối quan hệ

Cổ đông
Bên hợp tác kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

2.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu	279.946.268	88.767.124
Công ty CP An Đạt	163.636.364	88.767.124
Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam	116.309.905	-

2.2 Số dư các bên liên quan

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng	6.871.033.030	7.090.699.952
Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam	6.828.622.071	6.956.562.966
Công ty CP An Đạt	42.410.959	134.136.986
Phải thu dài hạn khác	1.034.545.454	1.000.000.000
Công ty CP An Đạt	1.000.000.000	1.000.000.000

2.3 Thu nhập Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương và thưởng	348.677.761	208.426.250
Cộng	348.677.761	208.426.250

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.I.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.844.168.146	11.770.453.307
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.543.614.374	50.494.632.822
Cộng	64.387.782.520	62.265.086.129

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công nợ tài chính

Các khoản vay	3.200.000.000	3.465.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	45.828.184.843	62.684.085.382
Cộng	49.028.184.843	66.149.085.382

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2017 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà có thể cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	44.730.024.843	1.098.160.000	45.828.184.843
Các khoản vay	3.200.000.000	-	3.200.000.000
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	61.565.925.382	1.118.160.000	62.684.085.382
Các khoản vay	3.465.000.000	-	3.465.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.844.168.146	-	9.844.168.146
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.543.614.374	1.000.000.000	54.543.614.374
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.970.453.307	-	10.970.453.307
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.494.632.822	1.000.000.000	50.494.632.822

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP CONSTREXIM SỐ 8

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Việt Hoa

Nguyễn Thị Thu Hoài

Vũ Duy Hậu